TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 259/2018/QĐST-HNGĐ *Biên Hòa, ngày 02 tháng 03 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số: 2662/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu phố I, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: đường N, khu phố I, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: đường N, khu phố I, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Văn C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Văn C đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Khi ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Văn C thỏa thuận giao cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 14/5/2016 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu T, ông Nguyễn Văn C cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T trưởng thành và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc M đồng ý nộp 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm hòa giải thành và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được cấn trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003734 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà M đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND TP.B;
- Chi cục THADS TP.B;
- UBND xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ.

Loan Trần Hải Yến